

Nguyễn Hiến Lê

8 bài tựa đặc ý



8 BÀI TỰA ĐẮC Ý

Tác giả: Nguyễn Hiến Lê

Sưu tầm: Goldfish

Tạo eBook lần đầu: QuocSan

Tạo lại lần hai (14/10/‘13): Goldfish

Tạo lại (01/01/‘16): Quocsan.

MỤC LỤC:

Vài lời thưa trước

1. Cổ Văn Trung Quốc
2. Thế Hệ Ngày Mai
3. Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc
4. Tương Lai Trong Tay Ta
5. Quảng Gánh Lo Đi Và Vui Sống
6. Bán Đảo Ả Rập
7. Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười
8. Đông Kinh Nghĩa Thục

VÀI LỜI THƯA TRƯỚC

Trong tiêu mục “Những bài Tựa – bài giới thiệu” trong cuốn *Nguyễn Hiến Lê – Cuộc đời & Tác phẩm* (Nxb Văn học, năm 2007 – về sau viết tắt là *NHL CD&TP*), ông Châu Hải Kỳ viết:

“Mỗi lần mở một cuốn sách nào của ông ra đọc là tôi tức đến càngh hông. Tức ông tại sao ông không gom góp tất cả những bài tựa, bài giới thiệu sách đã viết ra để xuất bản thành một tác phẩm. Rồi tức luôn cả các nhà xuất bản tại sao cũng chẳng nghĩ đến điều đó? Nhiều bài của ông viết ra chẳng đã đăng trước ở các tạp chí rồi mới đem in thành sách đó sao? Vậy thì những bài tựa, bài giới thiệu sách kia đem in thành sách để làm mẫu mực cho loại sách “hướng dẫn viết tựa” cũng đâu phải là việc không bổ ích và cần thiết? Từ trước đến nay trong kho văn học thế giới chỉ mới thấy mỗi một tác phẩm trong đó có in nhiều bài tựa sách...” (trang 314).

Sau khi trích dẫn và nhận định nhiều đoạn bài Tựa cuốn *Thế hệ ngày mai* của cụ Nguyễn Hiến Lê, ông Châu Hải Kỳ kết luận:

“Đấy, các bạn thấy chưa, chỉ một nửa bài tựa thôi mà giọng văn của ông đã biến đổi bao nhiêu lần, hướng gì là đọc hết những bài tựa, bài giới thiệu sách của ông thì chúng ta sẽ còn hào hứng thích thú đến mức nào? Tôi đề nghị ông in thành tác phẩm.

Tác phẩm in ra, tôi không dám quả quyết là sẽ bất hủ, nhưng chắc chắn giá trị của nó phải vô cùng độc đáo nhất toàn bài tựa và bài giới thiệu sách, đặc sắc về nội dung, điêu luyện về kỹ thuật trong loại sách này trên thế giới” (trang 321).

Khi *NHL CD&TP* của ông Châu Hải Kỳ chưa in thành sách, sau khi đọc tập bản thảo, ông Võ Phiến – tác giả cuốn *Đất nước quê hương* được cụ Nguyễn Hiến Lê đề Tựa – cho đăng bài giới thiệu trên tạp chí *Bách Khoa* số cuối 426, ngày 20-4-1975^[1], trong đó ông Võ Phiến ghi nhận về các bài Tựa của cụ Nguyễn Hiến Lê như sau:

“... ông Châu Hải Kỳ có lẽ cũng là người đầu tiên nêu lên cái đặc tài viết Tựa của ông Nguyễn. Và điều ấy đúng.

Còn nhớ khi cuốn *Qê hương của Ngu Í* được xuất bản với cái tựa của Nguyễn Hiến Lê, anh em ở tòa soạn *Bách khoa* đã một phen ngạc nhiên. Anh Ngu Í? Thì anh vẫn gặp chúng tôi hàng ngày, vẫn nói với chúng tôi đại khái những điều đã nói với ông Nguyễn Hiến Lê. Cuốn *Qê hương*? Thì anh cũng đã đưa bản thảo cho chúng tôi xem như đã đưa cho ông Nguyễn. Tuy vậy, trước khi cuốn sách xuất bản, không một ai trong chúng tôi ngờ đến những điều lý thú mà ông Nguyễn đã viết ra trong bài Tựa tác phẩm độc đáo nọ, một bài Tựa thật khéo léo tài tình”.

Đưa ra cái ý kiến một tuyển tập các bài Tựa của ông

Nguyễn Hiến Lê, ông Châu đã tỏ ra là một tri kỷ của ông Nguyễn". (trang 10).

Về việc ông Châu Hải Kỳ “*đưa ra cái ý kiến một tuyển tập các bài Tựa*”, tức tuyển tập các bài tựa cụ đề cho các sách của cụ và các sách của các bạn văn, cụ Nguyễn Hiến Lê viết trong *Hồi kí* (Nxb Văn học, 1993) như sau:

“Ai cũng nhận rằng tôi viết tựa hay cho nên vài bạn văn nhờ tôi đề tựa cho hai ba cuốn. Hai đã là quá nhiều rồi, mà phải là hai cuốn trong hai loại khác nhau thì tôi mới nhận lời. Và tôi chỉ nhận cho bạn thân thôi. Ông Châu Hải Kỳ có lần khuyên tôi nên lựa những bài vừa ý hơn hết, cho vào một tuyển tập như một nhà văn nào đó bên Pháp. Tôi không làm việc đó khiến ông bực mình – nhưng sau 1975, tôi cũng lựa ít bài cho vô tập: Để tôi đọc lại”. (trang 463).

Nghĩa là cụ Nguyễn Hiến Lê đã lựa sáu bài Tựa viết cho bạn văn cho vào cuốn *Để tôi đọc lại*, nhưng cụ lại không đưa vào cuốn đó một bài Tựa nào cụ đã viết cho sách của mình.

Về các bài Tựa viết cho mình, cũng trong *Hồi kí*, cụ cho biết:

“Tựa tôi viết cho tôi mà tôi lấy làm đắc ý:

- ***Cổ văn Trung Quốc***: *Có giọng cổ văn, hợp với nội dung tác phẩm: mạnh, giản, bóng bẩy mà minh bạch, cảm thán thành thực, nửa trên ghi lại một hồi kí thời*

thiếu niên, nửa dưới tả tâm sự và tài của cổ nhân.

- **Thế hệ ngày mai:** phần trên cảm động chép tình của cha mẹ đối với con trong hai buổi học đầu tiên của tôi và của con tôi.
- **Đại cương văn học sử Trung Quốc:** Đoạn kết từ “Trăng mới ló dạng” tới cuối lời đẹp và có giọng cảm thán.
- **Tương lai ở trong tay ta:** Tôi ví đời người với một cuộc thám hiểm, ai cũng tự tìm lấy con đường của mình, như Magellan đi vòng quanh thế giới.
- **Quảng gánh lo đi:** Đoạn đầu giọng cũng cảm thán vì đời người là một bể thảm, đúng như Đoàn Như Khuê nói, dù sang, hèn, giàu nghèo, ai cũng đáng thương như ai hết.
- **Bán đảo Ả Rập:** Tôi tóm tắt được bi kịch của bán đảo đó trong câu đầu: nó bị chi phối mạnh hơn Hồi giáo. Lời lưu loát mà giọng rất mỉa mai, phẫn uất.
- **Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười:** Tình thương của các bà già miền Nam. Đoạn mở đầu đột ngột và lí thú”. (trang 463-464)

Ngoài bảy bài Tựa nêu trên, trong cuốn *Đời viết văn của tôi* (Nxb Văn hoá – Thông tin, năm 2006), cụ Nguyễn Hiến Lê còn kể thêm bài Tựa (in lần thứ nhì) trong cuốn *Đông Kinh nghĩa thực*:

- **Đông Kinh nghĩa thực:** bài Tựa in lần thứ nhì so sánh các nhà cách mạng trong *Đông Kinh nghĩa thực*

với nhóm Khang, Lương của Trung Hoa: lời mạnh, ý vững”. (trang 244)

Trước đây, do chưa tìm được bài Tựa cuốn *Cổ văn Trung Quốc*, nên trong ebook được thực hiện vào cuối năm 2009, nhan đề là **Mấy bài tựa đặc ý**, chỉ gồm có bảy bài Tựa. Trong ebook mới này đủ cả tám bài cho nên tôi đổi nhan đề lại thành **8 bài tựa đặc ý**. Tám bài tựa này, tôi chép lại từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó tôi chỉ đánh máy có bốn bài: *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, *Quảng gánh lo đi*, *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*, *Cổ văn Trung Quốc*.

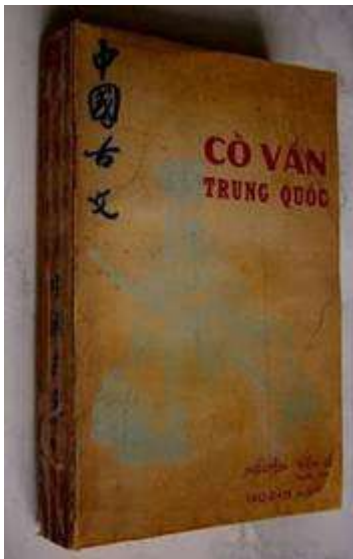
Mong rằng qua các bài Tựa “*đặc sắc về nội dung, điều luyện về kỹ thuật*” này, các bạn chẳng những biết được phần nào nội dung của từng tác phẩm mà các bạn còn biết được ít nhiều về đời sống, tâm tư, nguyện vọng... của cụ Nguyễn Hiến Lê.

Goldfish

Tháng 12 năm 2009

Sửa chữa tháng 07 năm 2011

CỔ VĂN TRUNG QUỐC



Cổ Văn Trung Quốc – Quyển thượng – Nxb Nguyễn
Hiền Lê

(Nguồn: Sachxua.net)

Tôi còn nhớ hồi mười sáu, mười bảy tuổi, một buổi trưa hè bác tôi dắt tôi thăm ngôi mộ một ông nghệ giữa cánh đồng Phú Xuyên (Sơn Tây).

Một năm dưới một gốc đa cổ thụ, giữa một cái gò rộng khoảng dăm sào, nhìn ra một cánh đồng chiêm mùa đó loang loáng nước, xa xa bên mặt là núi Hùng và bên trái là núi Tản. Ngôi miếu ở trước mộ đã thấp lại hẹp, tường và mái đen những rêu, đôi câu đối chữ còn chữ mất. Hỏi thì bác tôi đáp rằng chỉ biết cụ nghề họ Nguyễn, sống vào cuối đời Lê, ở nơi khác lại miền này dạy học, họ hàng không có ai, khi mất dân làng nhớ ơn mà lập miếu.

Tôi búi ngùi. Hiền đạt như ông nghề thời xưa là tột bậc, thế thì vì lẽ gì phải bỏ quê quán, lại nơi thô lậu này để gõ đầu dăm ba đứa trẻ rồi gởi luôn năm tàn cốt ở gò này?

Khi đứng dậy ra về, bác tôi ngâm một câu mà đến nay tôi còn nhớ:

Phú quý mặc cầu, nhất phiến băng tâm cư loạn^[2]

Tôi xin được nghe tiếp, người đáp:

- Ngẫu hứng mà nên, không có ý đối.

Khoảng mười ba năm sau, khi lồm bồm đọc bộ “*Cổ văn quan chỉ*”, tôi thường thấy thấp thoáng hiện trên trang giấy hình ảnh ngôi mộ cụ nghề giữa cánh đồng bát ngát đó; dường như vắng vắng có cả tiếng sáo diều và thoang thoang có cả hương lúa cấy nữa.

Và tôi có cảm tưởng rằng năm xương mồ kia với những

đanh thơm trong sách này tất cùng chung một tâm sự, một hoài bão. Đều là những bậc thông minh, tài trí siêu quần, mà đều bất đắc chí và đều coi phú quý như phù vân, trọng khí tiết hơn sinh mạng; chỉ khác, người thì giải bày tâm sự trên giấy, kẻ thì không; nhưng đã là chung một tâm sự thì người giải bày chẳng phải chỉ giải bày riêng cho mình mà kẻ không giải bày cũng như đã giải bày rồi vậy. Cho nên tập cổ văn này chẳng phải chỉ là tiếng “kêu”^[3] của riêng dăm ba chục nhà mà là tiếng “kêu” của cả một thời cổ dài mấy nghìn năm nữa, của cả thời đại chúng ta và những thời đại sẽ tới nữa. Nếu không phải vậy thì tại sao sinh sau cổ nhân mà đọc văn cổ nhân ta cũng muốn gào lên với cổ nhân, nhỏ nhẹ với cổ nhân?

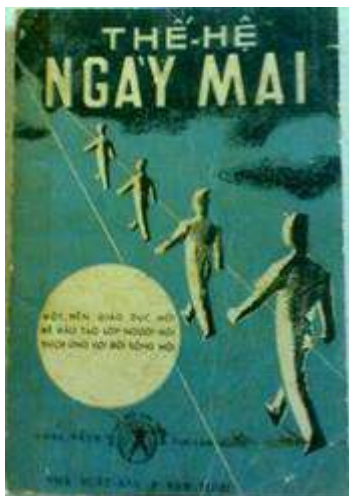
Tuy nhiên tâm sự tuy chung mà tâm hồn thì xưa và nay dường như có hơi khác. Thời nay chắc còn những vị như Khuất Nguyên, Giả Nghị, như Đào Tiềm, Phương Hiếu Nhụ..., lẽ nào lại không? Vậy mà mỗi khi muốn có cái cảm giác nhẹ nhàng như người tắm dưới suối lên rồi đứng hóng gió trên ngọn đồi thì chúng tôi cứ phải lật bộ Cổ văn ra chứ không tìm được trong một tác phẩm hiện đại nào cả. Thật là công hiệu, chỉ đọc mười hàng chúng tôi đã được thở cái không khí của cổ nhân. Đó là cái lợi lớn nhất của Cổ văn đối với chúng tôi^[4].

Còn như cái lợi về luyện văn: nghị luận thì chặt chẽ mà đột ngột, tự sự thì giản lược mà linh hoạt, miêu tả thì tài

hoa mà gợi hình, lời văn thì hàm súc và cảm động vì luôn luôn thành thực; cái lợi đó chúng tôi khỏi phải bàn tới, mà cô nhân cũng chẳng muốn chúng ta bàn tới.

Sài gòn, ngày 15-5-1965

2 THẾ HỆ NGÀY MAI



Thế hệ ngày mai – Nxb Phạm Văn Tươi, in lần đầu năm 1953

(Nguồn: Sachxua.net)

Cách đây 34 năm, sáng mùng 7 tết, trời u ám và lạnh lạnh, ba tôi sắp sửa cặp sách cho tôi rồi thuê một chiếc xe kéo bánh sắt để đưa tôi tới trường.

Những đôi câu đối tết của dãy nhà trên phố hàng Nâu còn nguyên vẹn, đỏ rực rỡ, anh ánh nét mực; rặng bàng

bên đường tro bụi xòe nhánh khô đen như xương những
lọng mà giấy, vải đã rách hết. Hai tay ôm cặp da, tôi ngó
bờ đê, nghe tiếng xe lọc cọc lòng nửa lo nửa buồn.

Tối trường Yên Phụ – một trường đẹp nhất trên đất
Việt, nằm bên bờ sông lịch sử là sông Nhị và bên một mặt
hồ cũng lịch sử là hồ Trúc Bạch – ba tôi xin cho tôi vào
lớp năm^[5].

Khi rời tay ba tôi để theo bạn vào lớp, tôi rung rung
nước mắt. Ba tôi dỗ:

- Vào đi chóng ngoan, cậu ngồi ngoài sân đợi con.

Suốt một giờ rưỡi đồng hồ, tôi không học được gì, chỉ
thình thoảng lăm lét ngó ra sân tìm ba tôi và mong cho
mau ra chơi.

Nghe tiếng trống đánh, tôi hồi hộp đứng lên bước ra tới
sân thì đã thấy ba đương đứng ở một góc nhãn đợi tôi. Ba
tôi xoa đầu tôi, hỏi nhiều câu mà không cho tôi kịp đáp:

- Thầy có dễ không? Có hỏi gì con không? Con học
được những gì? Bạn ngồi bên cạnh con ra sao?

Hết giờ chơi, tôi vào lớp, lần này ít buồn hơn và khi
tan học, sắp hàng ra tới cửa thì vẫn thấy ba tôi đứng ở
góc nhãn lúc nãy. Tôi hỏi người:

- Cậu đợi con như vậy có lâu không?

Người mỉm cười nhìn tôi mà không đáp, sự im lặng ấy

thăm thía biết bao! Rồi chúng tôi lại ngồi một chiếc xe kéo lọc cọc về nhà.

Đó là buổi học đầu tiên của tôi. Mỗi lần tới ngày tựu trường, thấy các em nhỏ cắp sách đi ngang qua nhà, tôi lại nhớ đến buổi ấy và lần nào lòng tôi cũng rung động, thôn thức, băng khuâng.

Hai mươi lăm năm sau, một buổi sáng tháng tám, trời trong trẻo và mát mẻ, nhà tôi và tôi dắt cháu^[6] tới trường Bà Phước ở Tân Định, một trường cất theo lối mới, nằm dưới bóng một hàng sao vun vút đưa lên một nền trời xanh dịu. Cháu đi giữa, mỗi đứa chúng tôi nắm một tay, còn cặp sách thì tôi cầm.

Tới trường thì cảnh hai mươi năm trước lại tái diễn, chỉ khác là cháu òa lên khóc khi rời tay chúng tôi bước vào lớp. Lúc ấy chúng tôi thấy mẫn mẫn ở cuống họng. Đến giờ ra chơi chúng tôi đứng đợi cháu ở góc sân; đến giờ về cũng đợi cháu ở ngoài cửa, rồi cháu cũng lại hỏi:

- Ba má đợi con có lâu không?

Chúng tôi cũng lại hỏi:

- Ngồi trong lớp con có ngoan không? Bà Phước có hỏi gì con không? Có dặn con gì không? Con có mong tới giờ về không?

Thưa các bạn, nhiều bạn đã trải qua ít nhất một lần cảnh như vậy, chắc nhận rằng không cảnh nào buồn hơn,

thấm thía hơn nữa. Vì suốt đời ta, chỉ có những lúc ấy là chúng ta đem con chúng ta cho một người lạ để nhờ uốn nắn, giáo hóa. Phải có một lòng tin người mãnh liệt hoặc lòng thờ ơ đáng tội với tổ tiên và nòi giống mới có thể đem thịt của thịt chúng ta, máu của máu chúng ta giao cho người như vậy được. Và chắc có nhiều bạn, sau khi đưa con tới trường đầu tiên, về nhà tự hỏi: “Không biết việc ta làm đó là phải hay trái? Người lãnh con ta có đáng tin không? Phương pháp giáo dục có đáng tin không?”.

Tôi viết cuốn này để tặng những bạn thắc mắc ấy. Dù chưa biết các bạn, tôi cũng đã quý các bạn rồi, vì các bạn là những người cha kiểu mẫu, biết lo lắng đến sự học của con em, tức là đến cái thế hệ ngày mai của giống Việt.

Tôi cũng viết cuốn này để tặng các nhà giáo đã rung động lòng khi nghe một bé òa lên khóc khi lần đầu tiên bước chân vào lớp học, đã nhận thấy một lớp dù sạch sẽ, sáng sủa, trang hoàng tới đâu đi nữa thì đối với những em 5, 6 tuổi cũng chỉ là những trại giam với những vị giám thị nghiêm khắc.

Những khi chấp tay sau lưng đi đi lại lại trong lớp, thấy hàng chục đầu cặp mắt long lanh nhìn mình, hàng chục đầu xanh cúi trên giấy trắng, các vị ấy đã thấy được lòng tin vô biên của những tâm hồn ngây thơ ấy và của phụ huynh các em nữa. Ở trên đời này có lòng tin nào thâm thúy và trong sạch hơn lòng tin ông thầy của các bé

không? Lòng tin trời phật của người lớn chúng ta vị tất bằng. Thầy giáo đối với em nhỏ là một vị thần bằng xương bằng thịt, cho nên các em nghe lời thầy hơn cha mẹ nhiều khi mền thầy hơn cha mẹ, những đầu xanh đó, ta muốn nắn sao thì nắn, muốn nhồi gì vào thì nhồi, muốn hướng nó về đâu cũng được mà có bao giờ ta tự hỏi lời dạy của ta thiết đúng chưa, phương pháp của ta hoàn toàn chưa? Có bao giờ ta nghĩ các em nhỏ ấy, trong 20-30 năm nữa sẽ thay ta để nắm vận mạng của quốc gia không? Tâm hồn các em trong sạch đầu óc các em sáng suốt thì tổ quốc sẽ được nhờ, nếu không thì cả nòi giống sẽ lụn bại để đợi lúc bị tiêu diệt. Có bao giờ chúng ta ngộp trước nhiệm vụ như quá sức chúng ta đó không?

Sau cùng tôi cũng viết cuốn sách này để tặng những bạn tuy không có con cái, không có học trò, nhưng yêu em bé nồng nàn, trông thấy cả một trời trong trẻo trong cặp mắt đen láy của các em, thấy cả một mùa xuân rực rỡ trên cặp môi hồng và hàm răng trắng ngà của các em. Chỉ nghe một tiếng cười giòn giã của các em là ta quên hết những thăng trầm trong thế sự, những bỉ ổi của lợi danh, phải không các bạn? Vùng trán nhẵn bóng dưới mớ tóc tơ kia chứa biết bao hình ảnh tươi sáng, biết bao ý tưởng trong sạch! Người ta nói thiên thần chỉ lơ lửng đâu trên chín tầng mây có trăng gió gió hoặc thiên thần trong cảnh đào nguyên có liễu có oanh. Không! Thiên thần ở ngay cõi trần này, đương say ngủ trong những chiếc nôi xinh

xinh hoặc chấp chững bên những bà mẹ hiền hậu. Ta đừng vì đại đột hoặc biếng nhác mà uốn nắn thiên thần đó theo những quy tắc vô lý để thành những con người ngu xuẩn, bạc ác, tham lam, bạo tàn.

Tôi xin những bạn ấy hãy lật những trang trong cuốn sách nhỏ này. Còn những bạn nào nhìn em bé vẽ nguệch ngoạc trên tờ giấy mà không mỉm cười, trông má phúng phính của em bé mà không muốn nựng thì xin đừng đọc tới. Những loại sách khác sẽ hợp với các bạn hơn vì cuốn này không phải để tiêu khiển mà bàn đến một phương pháp giáo dục mới.

Chúng tôi xin thưa ngay: Phương pháp mới của Âu, Mỹ, chúng tôi không có sáng kiến gì cả. Chỉ vì lòng yêu trẻ mà tò mò đọc được ít sách trong cái rừng sách bàn về Tâm lý trẻ em và Tân Học đường (L'École nouvelle) của nước người^[7].

Tôi nói một cái rừng không phải là ngoa: chỉ trong khoảng 10 năm, từ 1925 đến 1935, ở riêng một tỉnh Genève (Thụy Sĩ) đã xuất bản trên 300 cuốn về Tân Học Đường. Các bạn đã thấy ngộp chưa?

Chúng tôi cũng không phải là nhà giáo dục chuyên môn, chẳng qua vì thời cuộc đưa đẩy, tạm làm nghề gõ đầu trẻ trong ít năm nay. Chỗ hiểu biết tất nhiên là thô thiển, còn mong bạn nghĩ đến lòng thành của chúng tôi mà rộng lượng cho đầy thôi.

Đọc hết cuốn này chắc có bạn nghĩ rằng trong tình cảnh hiện tại không thể làm gì được, vì tiền không có mà người cũng thiếu. Có biết bao người mù chữ mà không đủ lớp để dạy. Lớp học nào cũng 50 trò trở nên, có khi lên 70 trò. Như vậy mà bàn đến mới đã tốn công lại tốn tiền thì có khác gì nói để mà chơi không, chỉ tốn giấy mực chứ ích gì.

Bạn nghĩ vậy cũng phải. Hoàn cảnh chưa thuận tiện thì chúng ta đành uốn mình theo hoàn cảnh vậy. Nhưng chúng ta vẫn có thể chờ đợi, hi vọng và trong khi chờ đợi, hy vọng, không biết làm gì thì ta vẫn có thể sửa soạn trước, dự tính một tương lai tươi sáng hơn cho thế hệ ngày mai chứ, để cho tới lúc hoàn cảnh trở lại thuận tiện thì ta có thể đồng hô lên rằng:

Sẵn sàng cả rồi. Bắt tay vào việc thôi.

Nước đương ròng, nhưng nước tắt sẽ lớn; gió đương ngược nhưng rồi gió cũng phải xuôi. Mở đôi và giương buồm trước đi các bạn, để đưa em bé – tức thế hệ ngày mai – tới một bến rục rờ hơn cái bến chúng ta đương đậu, hỡi các bạn yêu em bé!

Long Xuyên, trong vụ nghỉ hè 1952

(Nguồn: NXB P. Văn Tươi)

(Nguồn: <http://sachviet.info/showthread.php?t=674>)

ĐẠI CƯƠNG VĂN HỌC SỬ TRUNG QUỐC



Bộ *Đại cương văn học sử Trung Quốc* (3 cuốn) – Nxb
Nguyễn Hiến Lê
(Nguồn: Sachxua.net)

Khi soạn bộ này^[8], tôi được sống lại những ngày vui cách đây 25 năm.

Hồi ấy, tới vụ nghỉ hè nào, tôi cũng về Sơn Tây ở với bác tôi^[9] trong một ngôi nhà cổ, dưới bóng tre, giữa một cánh đồng lúa, bên bờ sông Nhị. Cảnh thì có núi, có gò, có đầm, có lạch, không khí thì thơm tho, lúc nào cũng

văng vẳng những tiếng sáo điều, tiếng ca hát của thôn nữ cùng tiếng ngâm thơ của nhà nho. Tôi thích nhất là giọng bình văn: nó ung dung, nghiêm trang và thanh nhã làm sao! Tôi thích đến nỗi mỗi lần bác tôi chỉ nhắc tới những tên như *Văn tâm điều long*, *Chiêu Minh văn tuyển*, *Tiền Xích Bích phú*, *Qui khứ lai từ*... là trong lòng tôi cũng vang lên một điệu trầm trầm, như nhớ nhung cái gì. Những lúc ấy, tôi thấy trời như cao hơn, mây như nhẹ hơn.

Không hiểu tại sao tôi lại có cảm tưởng lạ lùng đó và cho những cái tên như Corneille, Hugo thô tục, chẳng du dương như những tên Lý Bạch, Đào Tiềm. Nào có phải tôi không yêu tiếng Pháp. Gặp dịp được khoe một câu tiếng tây bồi với các ông Lý, ông Chánh trong làng, tôi vẫn hãnh diện lắm chứ và có ai mà bảo tôi cái học “tây u” là cái học vong bản thì tôi giận đến đỏ mặt lên được chứ! Nhưng nền cổ học vẫn có sức gì huyền bí thu hút tôi. Sức huyền bí đó phải chăng là những tiếng ngâm nga từ ngàn năm về trước còn vang vẳng trong tâm hồn tôi? Có lẽ vậy. Và tôi muốn biết nền cổ học ra sao mà làm tôi say mê được đến bậc ấy.

Một hôm đứng hầu trà bác tôi, tôi được nghe bốn tiếng “*Văn tâm điều long*”. Đợi bác tôi ngừng nói để hút thuốc Lào, tôi đánh bạo hỏi:

- Thưa bác “*Văn tâm điều long*” là gì?

Phà khói thuốc lên nóc nhà, bác tôi mỉm cười đáp:

- Cháu học tiếng Tây mà muốn biết những cái đó làm gì? Phải tốn công mười năm đèn sách mới hiểu được mà cái học nho bây giờ đã thành vô dụng rồi. Thím Tư (tức mẹ tôi) muốn cho cháu về đây học bác để sau này đọc được gia phả bên nội, bên ngoại. Bác cũng nghĩ vậy là phải, còn văn thơ cổ nhân thì thôi, thôi đi. Để sức tìm hiểu khoa học, cháu.

Thế là tôi cụt hứng. Cụt hứng nhưng lại càng tò mò hơn, muốn biết cho được cái “Văn tâm điêu long” ấy là cái gì. Tách riêng ra từng chữ thì tôi hiểu: Văn là văn chương, tâm là lòng, điêu là chạm, long là rồng. Nhưng “Văn tâm điêu long” là cái gì thì tôi không rõ, chỉ đoán mang máng là một bộ sách^{[\[10\]](#)}.

Có lần thừa lúc bác tôi đi thăm một con bệnh ở làng bên, tôi cả gan lục tủ sách của người ra kiểm, nhưng không thấy bộ nào có tên ấy.

Những năm sau, mãi học, tôi quên hẳn chuyện đó.

Khi ở trường Công chính ra, nhằm lúc kinh tế khủng hoảng, phải nằm nhà sáu tháng đợi bổ. Trong thời gian đằng đẳng ấy, biết làm gì cho hết ngày? Tôi bèn xoay ra học chữ Hán. Rủi thay! Lúc đó bác tôi đã quy tiên không còn ai ở gần để chỉ bảo. Tôi phải học lấy trong những cuốn Tam thiên tự, Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh và Grammaire chinoise của Cordier (?)

Khi có một số vốn độ 3000 chữ, đủ để mò trong tủ điển Trung Quốc, tôi bèn kiếm những sách về văn học Trung Hoa mà đọc. Thật khó nhọc vô cùng! Đọc một bài trong “Cổ văn quan chi” dài độ 20 trang, tôi thường mất độ một buổi mà chỉ hiểu lơ mờ. Bộ sách ấy chú thích rõ ràng và dịch cổ văn ra bạch thoại^[11]. Khôn nổi cổ văn tôi đã “bí” mà bạch thoại tôi cũng “đặc”, phải dùng cổ văn để đoán bạch thoại rồi ngược lại, dùng bạch thoại để đoán cổ văn. Cũng may là có một ông bác^[12] khuyến khích tôi, viết thư giảng những câu khó hiểu cho tôi, song học theo lối hàm thụ ấy tốn công cho tôi và mệt cho bác tôi quá – người viết chữ quốc ngữ rất chậm – nên nhiều lúc tôi chán nản tìm những sách Việt chép văn học Trung Quốc để đọc cho mau biết thì hồi ơi! Tôi hoàn toàn thất vọng. Cuốn “*Việt Hán văn khảo*” của Phan Kế Bính sơ lược quá, còn kiếm trên báo thì lâu mới gặp được một bài dịch Đường thi. Đọc những bài dịch ấy để tìm hiểu văn học Trung Quốc, không khác chi đi coi tượng bà Jeanne d’Arc hoặc Paul Bert trong công viên để tìm hiểu dân tộc Pháp vậy.

Gần đây, vài học giả xuất bản những cuốn dịch thơ Đường, nhưng không vị nào chịu khó viết mười trang về các thời kỳ trong thơ Đường, các thi phái trong thơ Đường, đặc sắc của thơ Đường và tư tưởng cùng nghệ thuật của thi nhân đời Đường. Thành thử kẻ ít học như tôi, đọc 300 – 400 trang mà chẳng được một ý niệm rõ

ràng về thơ Đường.

Tôi bất mãn lắm, đành phải đọc những bộ Trung Quốc văn học sử của người Trung Hoa viết. Những bộ này không có chú thích, tôi dò dẫm lâu lắm mới hiểu được lờ mờ.

Văn học Trung Quốc là nguồn gốc của văn học Việt Nam mà không một nhà nho nào viết ra cho bọn tân học chúng tôi hiểu, cứ bắt xam mò kim, cực cho chúng tôi quá. Mà số nhà cựu học hiện đại còn sống đâu phải là hiếm đâu!

Đã nhiều lần tôi năn nỉ một vài cụ viết. Cụ thì nói không có thì giờ; cụ thì cho cổ học là vô dụng, “nên chôn chặt nó đi!”, cụ thì quá nhũn, tự nhận không đủ sức.

Bảo cổ văn học là vô dụng, chỉ là tỏ một quan niệm chán ngán về thời thế. Bất kỳ nước nào Âu, Mỹ trong các trường Trung học cũng có ban cổ điển giảng về cổ văn học của nước họ hoặc của Hy Lạp, La Mã.

Không hề theo mới thì bỏ cũ. Phải biết cái cũ rồi mới tìm thêm được cái mới. Huống hồ văn học Trung Hoa rục rờ vào bực nhứt thế giới, người Pháp và người Mỹ còn nghiên cứu nó, lẽ nào mình lại bỏ cái gốc của mình đi cho đành?

Còn bảo là không đủ sức thì ai mà đủ sức đâu? Văn học Trung Hoa từ trên 3000 năm, tác phẩm rất nhiều, dù

chỉ chuyên đọc trong 50-60 năm cũng vị tất đã coi được đủ và kỹ, đừng nói đọc rồi còn phân tích, so sánh, lựa chọn, tổng hợp, phê bình. Nhưng không phải vì vậy mà người Trung Quốc không viết về văn học của họ và người Anh, người Pháp không viết về văn học Trung Quốc.

Vườn hoa mênh mông thật, không ai đi ngắm kỹ được từng bông một, nhưng càng mênh mông lại càng phải đi, kẻ theo lối này, người theo lối khác, kẻ gặp kỳ hương nọ, người gặp dị sắc kia, rồi tả lại cho người khác biết; như vậy chẳng lợi cho hạng đứng ngoài hàng rào kiếng chân ngó vô mà mù mịt chẳng thấy chút gì ư?

Ý kiến của một người có thể thiên lệch; kẻ yêu lan thì trầm trồ khen lan, kẻ thích cúc thì tấm tắc khen cúc; nhưng như vậy, ít nhất người ngoài cũng biết được trong vườn ấy có lan, có cúc, lan ra sao, cúc ra sao, chẳng hơn cứ hoang mang rồi phỏng đoán ư?

Thận trọng vốn là một đức quý, nhưng thận trọng quá thì hoá ra rụt rè.

Đã mỗi mắt trông chờ mà không thấy ai tả vườn bông đó cho biết, nên chúng tôi phải tìm tòi lấy. Chúng tôi đọc những sách của người Trung Hoa và người Pháp về văn học Trung Quốc, chỗ nào không hiểu thì nhờ một vị lão nho^[13] giảng cho, chủ ý là để thoả lòng tò mò từ mười lăm mười sáu tuổi.

Học đến đâu chúng tôi ghi đến đấy. Khi học thì chỉ

đam mê tìm hiểu cái đẹp mà không có ý viết sách. Khi học xong, thấy công việc ghi chép ấy có thể giúp các bạn hiểu học một khái niệm về văn chương Trung Quốc nên mới sửa lại rồi cho xuất bản.

Sở dĩ chúng tôi cả gan như vậy là vì tin ở lòng quảng đại của các nhà cựu học, không nỡ trách một kẻ hậu tiến, học thức nông cạn, mà sẵn lòng hạ cố chỉ bảo cho những chỗ sai lầm, hầu giúp bọn tân học chúng tôi hiểu thêm cái cổ học của các cụ, tức cái nền tảng văn hoá của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Văng các cụ chúng tôi thấy lẻ loi, bơ vơ lắm!

Trăng mới ló dạng. Cảnh vật đương tối tăm, bí mật, bỗng hoá ra êm đềm, nên thơ. Nhanh liễu la đà, lấp lánh bên dòng nước. Giò huệ lung linh toả hương dưới bóng dừa. Đêm nay tôi muốn thả hồn tìm thi nhân cùng danh sĩ Trung Hoa thời trước.

Hồi hương hồn những chư vị ấy! Tôi mang ơn chư vị rất nhiều, gần bằng văn nhân nước tôi; vì từ hồi mới sanh, tôi đã được nghe lời ngâm Chinh phụ, Thuý Kiều xen lẫn với lời bình văn của chư vị và ngay trong văn học nước tôi, cũng thường thấy ẩn hiện nỗi lòng của chư vị. Tâm hồn tôi ngày nay một phần cũng do chư vị luyện nên.

Viết cuốn này, tôi muốn có cơ hội gần chư vị thêm một chút. Tác phẩm của chư vị quá nhiều, tôi không được đọc

hết nên ngoài cái lỗi giới thiệu vụng về, tất còn mang thêm cái tội vô tình xuyên tạc. Xin chur vị lượng thứ.

Long Xuyên, ngày 20 tháng Mạnh Đông^[14] năm Quý Tị
(26, XI, 1953)

Hai năm trước, khi bộ *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* mới bán hết, chúng tôi đã thấy rõ ràng nó sơ lược quá, không đủ thoả mãn nhu cầu mỗi ngày mỗi tăng một số người hiếu học, nên chúng tôi đã dự định soạn lại một bộ khác đầy đủ hơn. Công việc này nếu khởi sự ngay thì sớm lắm cũng phải ba năm nữa mới hoàn thành.

Trong khi chờ đợi, để giúp các bạn trẻ có sách đọc, chúng tôi tạm cho tái bản bộ này sau khi sửa chữa những lỗi quan trọng, và sẽ cho xuất bản bộ *Cổ Văn Trung Quốc* mà chúng tôi soạn gần xong. Bộ cổ văn đó gồm khoảng trăm bài phiên âm rồi dịch, chú thích và giới thiệu, lại chép thêm tiểu sử các tác giả và văn trào mỗi thời đại, sẽ bổ túc một phần cho bộ đại cương và giúp độc giả hiểu thêm Văn học Trung Quốc từ cuối đời Xuân Thu đến cuối đời Minh^[15].

Sài Gòn, ngày 4-1-1964
NGUYỄN HIẾN LÊ

(Nguồn: Đại cương Văn học sử Trung Quốc, Nxb Trẻ, 1997)

TƯƠNG LAI TRONG TAY TA

Cùng các Bạn trẻ,

Tôi có cảm tưởng rằng đời mỗi người là một cuộc thám hiểm và khi ta bước chân vào đường đời, tâm trạng, tình cảnh của ta cũng tựa tựa tâm trạng, tình cảnh của một nhà thám hiểm – chẳng hạn của Magellan.

Ngày 20-9-1519, Magellan chỉ huy năm chiếc tàu, rời hải cảng Séville^{[116](#)} để tiến ra khơi. Ông đã dự bị trong hai năm cuộc hành trình đó: sắm tàu, mộ thủy thủ, mua các khí giới, đồ dùng và thức ăn để mang theo... Nhờ nhiều cuộc phỏng vấn những người ở Ấn Độ, Mã Lai và nhờ công tra khảo trong các sách Ý Đại Lợi, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, ông biết rằng trái đất tròn, và từ Séville cứ đi về phương Tây sẽ tới châu Mỹ mà Christophe Comlomb đã tìm ra hơn hai chục năm trước, rồi theo bờ biển Nam Mỹ mà kiếm thì thế nào cũng thấy một eo biển đưa qua phương Đông, qua những xứ Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ, nơi sản xuất vàng, lụa, hương liệu; sau cùng lại từ Mã Lai, Ấn Độ, tiến hoài về phương Tây thì sẽ trở về Séville được. Ông chỉ biết đại cương cái hướng phải theo, còn đường đi thì ông chưa biết. Eo biển ở chỗ nào, có ở xa về phương Nam không hay chỉ ở dưới Ba Tây^{[117](#)} một chút? Rồi đại dương ở bên kia châu Mỹ ra sao? Rộng lắm không? Sóng gió nhiều không? Đi mấy tháng thì tới?

Những điều đó còn là hoàn toàn bí mật.

Hồi mới ra trường, chúng ta không có cảm tưởng bắt đầu một cuộc phiêu lưu ghê gớm như vậy và tôi biết nhiều người bình tâm, thân nhiên, chẳng suy nghĩ, lo tính gì cả, mặc cho đời đưa tới đâu thì đưa; ngay cả với những kẻ đó, đời vẫn là một cuộc phiêu lưu, mặc dầu họ không nhận thấy.

Cái vốn chúng ta mang theo vào đời – tức những sự hiểu biết và sức khỏe của ta – không khác gì những thủy thủ, đồ đạc trong năm chiếc tàu Magellan. Cái mục đích lờ mờ của chúng ta lúc bước vào đời – kẻ thì mong yên ổn làm giàu, có vợ đẹp, con khôn rồi an nhàn dưỡng lão, kẻ thì hăm hở quyết tâm cải tạo xã hội, lập nên sự nghiệp để lại mai sau – cái mục đích đó cũng như mục đích thúc đẩy Magellan tìm ra Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ bằng một con đường mới. Magellan đã định một hướng là đi về phương Tây thì chúng ta cũng có một hướng: làm một nhà giáo hay một kỹ sư, một nhà văn hay một chính khách. Còn những hoàn cảnh, những khó khăn, những may rủi ta sẽ gặp trong đời, cả những bước đường sau này của ta nữa, thì ta không thể đoán được; cũng như Magellan khi nhổ neo từ biệt Séville không có một ý niệm gì rõ ràng về con đường sẽ qua cả. Trước mặt ta, cũng như trước mặt ông là cả một bí hiểm mênh mông, một bí hiểm luôn luôn thay đổi!

Đọc tiểu sử Magellan tôi ân hận rằng ông vừa mới tới đích, mới tìm ra quần đảo Phi Luật Tân, sắp tới quần đảo Mã Lai, thì bị thổ dân giết vì ông nóng nảy, quá tự tin, khinh địch. Nếu ông sống mà trở về được châu Âu, thì tất Charles Quint sẽ phái ông đi vài chuyến nữa – cũng như trước kia Christophe Colomb được phái qua châu Mỹ bốn lần – và những kinh nghiệm của ông trong chuyến đầu sẽ giúp ích cho ông được biết bao trong những chuyến sau. Ông khỏi mất công dò vàm sông Rio de la Plata, những vịnh San Matias, Bahia de los Patos, Bahia de los Trabajos; khỏi phải đậu lại cả một mùa đông ở San Julian khi ông chỉ cách eo biển Magellan có hai ngày đường; và nhờ vậy, ông sẽ tránh được cảnh đói khát ghê gớm cho cả đoàn mạo hiểm, và tránh được bệnh hoại huyết, lợi sưng, răng rụng vì thiếu sinh tố, khi ba chiếc tàu còn lại lênh đênh trên Thái Bình Dương mấy tháng ròng; mà cuộc hành trình từ Séville tới Phi Luật Tân chỉ mất vài ba tháng, chứ không kéo dài tới mười tám tháng như lần đầu.

Nghĩ vậy rồi tôi nhớ lại cuộc đời của tôi hai mươi sáu năm nay, từ khi mới ở trường ra. Nó không có gì đáng cho tôi phàn nàn, ân hận lắm, và nếu có phải sống lại quãng đó thì tôi cũng không từ chối. Tôi vốn không có cao vọng lãnh một trách nhiệm gì lớn lao mà cái đời một thư sinh sống trong một gia đình êm ấm, bên cạnh sách và hoa cũng có cái thú, có lẽ còn thú hơn là được hoan hô nhiệt

liệt trong những đám đông hàng ngàn hàng vạn người. Tôi rất may mắn không có chỗ nào cho người khác đề cao, nếu có mà bị đề cao thì tôi sẽ ngượng đến chết mất. Con người nào mà chẳng có vô số tật, và chết đi chẳng thành gì, thành đất cả!

Nhưng nhiều khi tôi lần thân tự hỏi nếu nhờ chút ít kinh nghiệm hồi bây giờ của tôi mà sống lại cái hồi hai mươi lăm tuổi trước kia thì đời mới của tôi sẽ ra sao nhỉ? Chắc là không thay đổi gì nhiều. Tôi cho rằng mỗi người sinh ra đời đã có một hướng sẵn: ông Eisenhower để làm một Tổng Thống, ông Einstein để làm một nhà khoa học, ông Paul Valéry để làm một nhà thơ...; và cũng ngay từ hồi mới sinh, đã có cái gì định trước rằng mỗi người chỉ tiến được tới cái mức nào đó thôi: dù cố gắng tới mấy, gặp may tới mấy thì cũng không phải rằng chính khách nào cũng thành một Eisenhower, nhà khoa học nào cũng thành một Einstein và thi sĩ nào cũng thành một Valéry được.

Vậy thì có sống lại cuộc đời đã qua, tôi cũng sẽ chỉ là một thư sinh như ngày nay, không giàu hơn, không sang hơn, không tài giỏi gì hơn nhiều. Nhưng tôi chắc chắn rằng những kinh nghiệm ngày nay, nếu dùng được từ hồi trước thì sẽ làm cho tôi được mạnh khỏe hơn – tôi có thể tránh được bệnh đau bao tử và vài ba bệnh khác nữa – đỡ mất công dọ dẫm đường đi hơn, đỡ phí thì giờ vào những việc vô ích, mà hiểu biết được nhiều hơn, lại tạo được

nhieu hạnh phúc cho mình và cho người hơn. A! tạo được hạnh phúc, đó mới là điều quan trọng! Tóm lại tôi sẽ như Magellan trong chuyến đi thứ nhì... nhưng Magellan làm gì có chuyến đi thứ nhì.

Nhớ lại những lầm lỗi trước, sao mà nhiều thế! Kể làm sao cho đủ mà khỏi rườm? Cho nên tôi chỉ lựa những điều quan trọng mà hồi trên dưới hai mươi lăm tuổi ít ai để ý tới. Và tôi thấy những điều đó có thể gom làm sáu bảy mục:

- tìm một nhân sinh quan, tự hỏi sống để làm gì, đời người ra sao?
- nhận rằng bốn phận mỗi người là tạo hạnh phúc cho bản thân và cho người chung quanh;
- muốn làm tròn bốn phận đó, phải giữ gìn sức khoẻ và tu tâm luyện trí để làm việc;
- nhưng phải biết cách làm việc cho có hiệu quả;
- rồi làm việc xong thì phải nghỉ, kiếm được tiền thì phải tiêu, vậy vấn đề hưởng thụ ở đời cũng cần thiết như vấn đề phục vụ xã hội;
- phải lo tính trước cho tuổi già khỏi bệnh tật, túng thiếu mà thành một gánh nặng cho gia đình, xã hội;
- sau cùng, vấn đề quan trọng nhất đối với thanh niên là vấn đề hôn nhân, vì có khéo lựa bạn trăm năm thì mới có người giúp đỡ, mới vui vẻ, hăng hái làm việc, mới hưởng hạnh phúc ở đời được.

Đó, những điều quan trọng theo tôi, đại loại có bấy nhiêu. Tôi nhận rằng nhân sinh quan của tôi rất tầm thường mà những kinh nghiệm của tôi cũng tầm thường nữa. Bạn là hạng trung nhân như tôi thì hãy đọc cuốn này; nếu trái lại, bạn nuôi cái lý tưởng noi theo những bậc siêu nhân, những vị thánh, mà cải tạo xã hội để cứu vớt cả nhân loại thì tôi xin kính cẩn ngưỡng mộ bạn: sách của tôi không đáng cho bạn ngó tới.

Chép lại kinh nghiệm của bản thân, tôi tuyệt nhiên không dám mong rằng nó sẽ làm thay đổi đời của bạn đâu. Tôi nhận thấy rằng bất kỳ ai cũng phải tự tạo lấy đời sống của mình bằng những từng trải của mình; nghĩa là những lời khuyên của người khác ảnh hưởng rất ít đến đời sống của ta, nếu ta không có cái tính tình, cái tâm trạng của người đó, không ở trong hoàn cảnh của người đó, đã từng trải gần gần như người đó. Phải có đồng thanh mới tương ứng, hoặc nói theo giọng khoa học ngày nay, phải có bắt đúng điện ba thì mới lên tiếng. Triết gia Đông Tây có biết bao nhiêu nhà mà tôi chỉ quý Khổng Tử, đâu có phải tại học thuyết của Ngài cao siêu hơn những nhà khác; tại nó hợp với tâm hồn tôi đấy thôi. Vậy thì lời trong sách này chưa chắc gì đã hợp với tâm hồn bạn; nếu may ra nó có hợp phần nào, mà theo quy tắc trong sách, bạn cải thiện đời sống được ít nhiều chăng, thì cũng không phải là nhờ sách mà chỉ là nhờ một sự ngẫu nhiên, nó làm cho chúng ta có chỗ gặp nhau đấy thôi.

Nếu không gặp nhau thì tôi cũng mong rằng sách gọi cho bạn suy nghĩ, để tìm một nhân sinh quan riêng cho bạn, một giải pháp hợp với bạn mà tạo một đời sống đặc biệt của bạn, phong phú hơn, sáng sủa hơn, vui tươi hơn. Được vậy cũng đủ hài lòng kẻ chân thành này rồi.

NGUYỄN HIẾN-LÊ

Saigon ngày 1-4-1961.

(Nguồn: Tương lai trong tay ta, Nxb Văn hoá Thông tin, năm 1999 [bản ebook do tuanz thực hiện, Thư viện-Ebook])

QUẺ GÁNH LO ĐI VÀ VUI SỐNG



Quẻ gánh lo đi và vui sống – Nxb Nguyễn Hiền Lê –

bản in lần thứ tư

(Nguồn: Sachxua.net)

Một buổi trưa hè, chúng tôi đang đàm đạo tại nhà anh Đ., bỗng một bạn tôi ngừng câu nói dở, chỉ ra ngoài cửa bảo:

- Các bạn coi kia, nữ bác sĩ lái xe đi chích thuốc.

Chúng tôi nhìn ra. Một người đàn bà còn trẻ, tóc bù xù, mặt lem luốc, cặp mắt lão liêng, miệng cười toe toét,

vừa đi vừa vòng hai tay ra phía trước, xoay đi xoay lại như người lái xe hơi, thỉnh thoảng ngừng chân, tay như cầm vật gì nhỏ, đưa lên đưa xuống.

Anh Đ. giảng: “Nữ bác sĩ đi chích thuốc đấy. Ngày nào cũng vậy, mưa cũng như nắng, đi đủ ba lần, qua đủ bốn, năm con đường quanh đây... Nhiều thân chủ, dữ ta!”

Rồi anh vội sầm nét mặt: “Tội nghiệp, nhà khá giả, lại con một, mà như vậy...!”

Ngừng một chút, anh tiếp: “Nhưng nghĩ kỹ, chị ta có thấy khổ đâu? Trái lại mỗi khi lái xe, tin mình là bác sĩ, chắc sung sướng lắm... Sướng hơn chúng mình nhiều! Chính chúng ta mới đáng thương!”.

Ai nấy đang vui, bỗng buồn bã, lẳng lặng gật đầu. Chao ơi, trong số anh em ngồi đó, phần nhiều đều được thiên hạ khen sang và giàu, biết bao nhiêu người khao khát địa vị, mà chính họ tự thấy khổ hơn một mù diên!

“Chính chúng ta mới đáng thương!” Nếu vậy đời quả là bề khổ mà bốn câu thơ này của Đoàn Như Khuê thật thâm thúy vô cùng:

*Bể thảm mênh mông sóng lựt trời!
Khách trần chèo một lá thuyền chơi,
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thảm thôi.*

“Chính chúng ta mới đáng thương!”.

Như vậy thì cái bề ngoài vui tươi kia chỉ là cái vỏ của một tâm hồn chán nản, bị phiền muộn, ưu tư, ganh ghét, hờn oán dày vò! Mặt biển lặng, phản chiếu màu trời rực rỡ đầy, nhưng dưới đáy có những lượn sóng ngầm đủ sức cuốn cát và lay đá. Cánh đồng tươi thắm cười đón gió xuân đầy, nhưng trong hoa, sâu đã lặng lẽ đục nhụy và hút nhựa không ngừng.

Phải ngăn những đợt sóng oán hờn ấy lại, diệt con sâu ưu tư đó đi, nếu không, nó sẽ diệt ta mất, chẳng sớm thì chầy, ta sẽ sinh ra cái kinh, chán chường, đau tim, đau bao tử, mất ngủ, mất ăn, mắc bệnh thần kinh và loạn óc.

Dale Carnegie viết cuốn *Quảng gánh lo đi... và vui sống* này chính để chỉ cho ta cái cách diệt những kẻ thù vô hình ấy. Ta thiệt khó thắng vì chúng ngự trị ngay trong thâm tâm ta, nhưng ta phải thắng, vì thắng mới có thể SỐNG được.

Đọc bài tựa cuốn *Đắc nhân tâm: bí quyết của thành công*, bạn đã được biết qua về lối sống, mới đầu long đong, sau thành công rực rỡ của Dale Carnegie; ở đây chúng ta không nhắc lại nữa, chỉ kể cách ông viết cuốn *Quảng gánh lo đi... và vui sống* này.

Hồi mới bắt đầu dạy môn nói trước công chúng tại hội Thanh niên theo Thiên Chúa giáo ở Nữ Ước, ông thấy cần phải chỉ cho học sinh của ông – hầu hết là những người có địa vị quan trọng trong đủ các ngành hoạt động

xã hội – cách thắng ưu tư và phiền muộn. Ông bèn tìm trong thư viện lớn nhất ở Nữ Ước hết thấy những cuốn sách bàn về vấn đề ấy và ông chỉ thấy vồn vện có 25 cuốn, còn sách nghiên cứu về... loài rùa thì có tới 190!

Thiệt lạ lùng! Đối với một vấn đề hệ trọng cho cả nhân loại như vấn đề diệt nỗi lo lắng để cho bề thảm vui bớt đi, đời người được vui tươi hơn, mà loài người thờ ơ như vậy? Trách chi những người bị bệnh thần kinh chiếm hết phân nửa số giường trong các dưỡng đường Âu Mỹ. Trách chi hết thấy chúng ta dù sang hèn, giàu nghèo, đều phải phàn nàn rằng chính những kẻ điên mới là hạng người sung sướng trên đời!

Đọc hết 25 cuốn sách ấy, không thấy cuốn nào đầy đủ, khả dĩ dùng để dạy học được, ông đành bỏ ra 7 năm để nghiên cứu hết các triết gia cổ, kim, đông, tây, đọc hàng trăm tiểu sử, từ tiểu sử của Khổng Tử tới đời tư của Churchill, rồi lại phỏng vấn hàng chục các danh nhân đương thời và hàng trăm đồng bào của ông trong hạng trung lưu. Nhờ vậy sách ông được đặc điểm là đầy đủ những truyện thiệt mà bất kỳ ai cũng có thể kiểm soát.

Những điều thu thập được trong sách và đời sống hàng ngày ấy, ông sắp đặt lại, chia làm 30 chương để chỉ cho ta biết:

- Những ảnh hưởng của ưu tư tai hại cho tinh thần, cơ thể ra sao?

- Cách phân tích các ưu tư.
- Cách diệt chứng ưu tư.
- Cách luyện cho có một thái độ bình tĩnh, vui vẻ, thân nhiên.
- Cách diệt 3 nguyên nhân chính sinh ra ưu tư là sự mỗi một – sự chán nản về nghề nghiệp – sự túng thiếu^[18].

Vậy ông đã “thuật nhi bất tác” đúng như lời đức Khổng Tử, mà nhận rằng trong sách của mình không có chi mới hết. Toàn là những qui tắc mà ai cũng biết và nếu chịu áp dụng thì không một nỗi ưu phiền nào là không diệt được, từ những ưu tư về gia đình, tài sản, tình duyên, đến những lo lắng về tính mệnh, công danh, bệnh tật liên miên^[19]. Nhưng tiếc rằng rất ít người áp dụng nó, cho nên ông phải viết cuốn này, để gỡ cửa từng nhà – như lời ông nói – khuyên chúng ta đề phòng bệnh ưu uất, làm cho cứ mười người thì có một người bị bệnh thần kinh, cứ hai phút lại có người hoá điên, và giết hại loài người một vạn lần hơn bệnh đậu mùa! Tóm lại, ông chỉ có công nhắc lại những quy tắc rất thông thường và cổ “nhồi nó vào óc ta” để ta thi hành thôi.

Tuy nhiên tác giả đã nhồi vào óc ta một cách tuyệt khéo, nhờ lời văn có duyên của ông. Từ trang đầu đến trang cuối, toàn là những chuyện thiết, cổ kim, đông tây, cũng như trong cuốn *Đắc nhân tâm: bí quyết của thành*

công. Nếu xét kỹ, ta thấy văn ông có chỗ điệp ý, lại có đoạn ý tứ rời rạc, nhưng chính vì vậy mà lời rất tự nhiên, đột ngột, khiến đọc lên ta tưởng tượng như có ông ngồi bên cạnh, ngó ta bằng cặp mắt sâu sắc, mỉm cười một cách hóm hỉnh, mà giảng giải cho ta, nói chuyện với ta vậy.

Sở dĩ ông có lối văn vô cùng hấp dẫn ấy – từ trước chúng ta chưa được đọc một tác giả nào bàn về tâm lý mà vui như ông – có lẽ nhờ hoàn cảnh tạo nên.

Có hồi ông bán xe cam nhông, thất bại thê thảm vì tính ghét máy móc lắm, ông bèn xin dạy khoa “nói trước công chúng” trong hội “Thanh niên Thiên Chúa giáo”. Hội bằng lòng nhận, nhưng không tin tài của ông, không chịu trả mỗi tối 5 Mỹ kim, mà chỉ cho ông chia lời thôi – nếu có lời. Học sinh thì toàn là những người có tuổi, có công ăn việc làm, muốn học sao cho có kết quả ngay và học giờ nào mới trả tiền giờ ấy. Ông phải đem hết tâm lực ra và soạn bài sao vừa vui vừa bổ ích thì mới hòng giữ họ lâu và mình có đủ tiền độ nhật. Vì vậy ông không thể dùng những sách khô khan của nhà trường để dạy, đành phải kiếm nhiều thí dụ thực tế kể cho học sinh để cho họ mê man nghe từ đầu giờ đến cuối giờ. Nhờ đó ông luyện được lối văn tự nhiên rõ ràng, có duyên, hấp dẫn một cách lạ lùng.

Chúng tôi tưởng lối văn ấy phải là lối văn của thể kỷ

thứ 20 này. Đọc những sách triết lý viết từ thế kỷ 17, ta thấy thiệt chán: văn trùu tượng quá, nghiêm quá, gọn quá, bắt ta phải suy nghĩ nhiều quá. Ta không được rảnh rang như hồi xưa – mỗi tuần ta phải đọc một hai cuốn sách, chín, mười số báo – lại quen với lối văn tiểu thuyết và phóng sự nên lối văn nghiêm nghị của những thế kỷ trước không còn hợp với phần đông chúng ta. Một ngày kia, trừ một số sách viết cho các nhà chuyên môn, có lẽ hết thầy các sách phải viết bằng lối văn tựa như phóng sự, mới mong có người đọc, dầu sách học cho người lớn hay trẻ em.

Ông Dale Carnegie đã mở đường trong công việc viết sách cho người lớn bằng lối văn ấy. Vì sách của ông không khác chi những tập phóng sự cả. Ông đã thành công rực rỡ, sách ông bán rất chạy. Cuốn *Quảng gánh lo đi... và vui sống* này chỉ trong 3 năm (1948-1950) đã tái bản tới lần thứ tư.

Riêng chúng tôi, từ khi vì duyên may được đọc cuốn ấy, đã thấy tâm hồn nhẹ nhàng, khoáng đạt hơn trước nhiều. Và mỗi lần có điều gì thắc mắc, mở sách ra, là thấy ngay cách giải quyết, chẳng khác Tôn Tản khi xưa mỗi lúc lâm nguy mở cẩm nang của thầy ra, tìm phương thoát nạn.

Nếu đời người quả là bể thảm thì cuốn sách này chính là là ngọn gió thần đưa thuyền ta tới cõi Nát bàn, một cõi

Nát bàn ở ngay trần thế.

Chúng tôi trân trọng tặng nó cho hết thầy những bạn đương bị con sâu ưu tư làm cho khô sở trần trọc canh khuya, tan nát cõi lòng. Ngay từ những chương đầu, bạn sẽ thấy tư tưởng sâu thẳm của bạn tiêu tan như sương mù gặp nắng xuân và bạn sẽ mỉm cười nhận rằng đời quả đáng sống. Kia, đô đốc Byrd đã nói: *“Chúng ta không có độc trên thế giới này đâu, có cả vật vô tri như mặt trăng, mặt trời, cũng cứ đều đều, đúng ngày, đúng giờ lại chiếu sáng chúng ta, lại cho ta cảnh rực rỡ của bình minh hoặc cảnh êm đềm của đêm lặng”*.

*Long Xuyên,
một ngày đẹp trong 365 ngày đẹp năm 1951*

(Nguồn: Quẳng gánh lo đi và vui sống, Nxb Văn hoá, năm 2001, trang 5-11)

6

BÁN ĐẢO Ả RẬP

Bán đảo Ả Rập là đế quốc của Hồi giáo mà cũng là đế quốc của dầu lửa vì dầu lửa chi phối nó cũng như Hồi giáo, còn mạnh hơn Hồi giáo. Hồi giáo xuất hiện thế kỷ thứ VII, phải dùng mấy trăm ngàn quân trên một thế kỷ mới chinh phục được một đế quốc tuy là rộng lớn nhất thời cổ nhưng cũng chỉ gồm miền Tây Á, Trung Á, Bắc Phi và Tây Nam Âu, tức khu ven Địa Trung Hải, Hồng Hải, vịnh Ba Tư, từ Đại Tây Dương tới sông Indus.

Dầu lửa mới xuất hiện ở tây bắc bán đảo Ả Rập (Mésopotamie) từ sau Thế chiến thứ nhất – hiện nay ở Kirkuk du khách còn được trông thấy cái mỏ giếng dầu đầu tiên của Iraq, cũng có thánh giá, cũng có mộ bia ghi ngày sinh 15-10-1927 và ngày tử 28-8-1940 – mà chỉ trong ba bốn chục năm đã chinh phục được ba phần tư thế giới, châu Âu, châu Á, châu Phi và còn phát triển nữa vì người ta đã tính dầu ở bán đảo Ả Rập chiếm 80% dầu trên thế giới. Hồi giáo hiện nay, sau 13 thế kỷ phát triển bằng gươm súng, kinh sách, nghệ thuật, mới có được khoảng 400 triệu tín đồ, một phần sáu nhân số trên địa cầu; còn dầu lửa Ả Rập thì đã “ban phước lành” cho ít nhất là một tỷ rưỡi người.

Nó còn linh thiêng hơn Mohamed: các chính khách, kinh tế gia lỗi lạc nhất Tây phương: Anh, Pháp, Mỹ,

Đức, Ý, Hà Lan, bây giờ lại thêm cả Nhật, chỉ đánh thấy cái hơi của nó thôi cũng đủ mê man, nhẩy tung tung lên, hoa chân múa tay như bị vía Cô vía Bà nhập vậy. Ngay như người Mỹ trung thành rất mực với “the American way of life” (lối sống Mỹ) mà cũng chịu nhịn whisky soda, coca cola, nước cà chua, thịt bò áp... mà ăn chà là, uống nước giếng, cải trang làm Ả Rập đi lang thang trong sa mạc để đánh hơi dầu lửa.

Sức mạnh của dầu lửa kinh khủng, cả Hồi giáo, Ki Tô giáo, Phật giáo... chống lại cũng không nổi. Ta cứ ví dụ rằng bao nhiêu kinh sách của các tôn giáo đó bỗng mất hết và tất cả các tu ni trên thế giới bỗng ăn cháo lú, quên hết những lời Chúa dạy, Phật dạy thì nhân loại có thể kém văn minh một chút, nhưng nhất định là vẫn tồn tại. Nhưng nếu các giếng dầu trên thế giới bỗng nhiên chết “bất tử” như giếng Kirkuk năm 1940 thì chẳng những cả nền văn minh vĩ đại của chúng ta sụp đổ mà nhân loại sẽ chết đói, chết rét đến một nửa là ít. Không có dầu lửa thì không có điện, xe hơi, máy bay, máy cày, máy lạnh, máy sưởi, vân vân, kỹ nghệ sẽ chết đứng và canh nông sẽ ngoắc ngoải. Đã xây mả cho dầu lửa thì tại sao người ta không nghĩ dựng tượng cho dầu lửa? Muốn cho xứng thì tượng phải cao lớn gấp hai tượng Thần Tự Do ở New York. Vì Tự Do chỉ là một đứa con dĩnh ngộ của văn minh cơ giới ngày nay – người ta bảo vậy – mà dầu lửa mới chính là cha của văn minh đó. Và tôi xin đề nghị cũng

dựng nó ở cửa sông Hudson cho hợp tình hợp lý.

Ngay trên bán đảo Ả Rập chúng ta cũng thấy dầu lửa thắng Hồi giáo. Hồi giáo khó khăn lắm mới liên kết được các quốc gia Ả Rập ba lần, 1948, 1956, 1967 trong các chiến tranh với Do Thái giáo, mà tội nghiệp quá, lần nào cũng lui đui. Có bảy quốc gia: Ai Cập, Syrie, Liban, Jordani, Iraq, Ả Rập Saudi, Yemen thì chỉ có ba quốc gia Ai Cập, Syrie, Jordani là phát cờ Mohamed mà tiến quân còn các quốc gia kia đứng ngoài hô hào suông; trong bốn quốc gia này, Liban, Yemen nhỏ quá không đáng kể; Ả Rập Saudi và Iraq giàu, lớn, mạnh mà cũng lơ là với Thánh chiến là tại sao? Chỉ tại họ có dầu lửa. Tôi không dám bảo rằng vì họ thờ Thần Dầu lửa mà phải tội với Allah! Allah đâu có cho họ thờ thần nào khác.

Dầu lửa chia rẽ Ả Rập: Ả Rập Saudi chống Ai Cập, Iraq chống Syrie, Koweit tách ra khỏi Iraq đều là vì dầu lửa cả. Họ chia rẽ nhau vì kẻ có dầu lửa nghi kẻ không có dầu lửa nuôi dã tâm chia nguồn lợi dầu lửa của mình. Họ chia rẽ nhau về chính thể, cả về ý thức hệ nữa mà nguồn gốc cũng chỉ tại dầu lửa. Hễ có hơi dầu lửa ở đâu thì có Anh, Pháp, Mỹ ở đó. Anh, Pháp là những nước dân chủ, nhưng lại thích “dân bản xứ” cứ giữ chế độ quân chủ; còn Mỹ không thích chế độ quân chủ nhưng có bệnh nhạy cảm: hễ dân bản xứ mà đòi cải cách xã hội thì la bải hải rằng họ cộng sản, phải cúp viện trợ. Thành thử ở Ả Rập,

các nước dầu lửa đều là quân chủ hoặc thủ cựu; các nước không dầu lửa trái lại ham dân chủ, cấp tiến. Sự tranh chấp giữa các đế quốc Đông, Tây làm cho tình hình càng thêm rối, thêm thảm. Tây có mỏ dầu ở Ả Rập, dĩ nhiên ủng hộ giật dây các nước có dầu lửa; Đông không có mỏ dầu ở Ả Rập thì ủng hộ, giật dây các nước không có dầu lửa, nhưng cũng cố gây ảnh hưởng ở các nước có dầu lửa và thế cờ nhiều lúc biến chuyển rất bất ngờ.

Do đó mà trong ba bốn chục năm nay, ở bán đảo Ả Rập xảy ra không biết bao nhiêu xung đột: xung đột giữa các đế quốc, xung đột giữa giữa các quốc gia Ả Rập, xung đột giữa các đảng phái trong mỗi quốc gia. Có chiến tranh đế quốc, chiến tranh độc lập, chiến tranh chính trị – tức chiến tranh xôi thịt – có chiến tranh dầu lửa, và từ khi có quốc gia Do Thái, thì thêm chiến tranh nòi giống, tôn giáo nữa, nhưng chiến tranh nào truy nguyên ra cũng không trực tiếp thì gián tiếp liên quan tới dầu lửa. Chỉ có chiến tranh cơm áo của dân nghèo là mới lấp ló thì đã bị lợi dụng, nhưng chẳng lâu đâu, nó sẽ bùng nổ ghê gớm hơn cả các chiến tranh khác.

Dân nghèo sẽ không than thở như Vũ Trọng Phụng: “Ôi con người mà có được cơm ăn thì sướng quá!”. Đồ mồ hôi như Chúa đây mà không có cơm ăn thì họ sẽ đổ máu để giành lấy cơm ăn.

Không năm nào không có biến cố lớn hoặc nhỏ: lớn thì

như cách mạng Ai Cập, vụ kênh đào Suez, chiến tranh Ả Rập – Do Thái, cách mạng Iraq; nhỏ thì là cuộc đảo chánh, cải tổ nội các ở Syrie, Jordani, Iraq. Ở Syrie trong mười bốn năm có đầy cuộc đảo chánh, ở Jordani, vua Hussein ba lần suýt toi mạng, lại có lần chỉ trong 8 ngày 4 nội các bị giải tán.

Bán đảo Ả Rập là Thiên đường của Ki Tô giáo (vườn Eden trong *Thánh kinh* nằm trên bờ hai sông Tigre và Euphrate ở Mésopotamie) mà cũng là Thiên đường của các sử gia. Ai có tài như Will Durant, tác giả bộ sử vĩ đại *The Story of Civilisation* (Một nhà xuất bản ở Pháp đã in thành 32 cuốn, mỗi cuốn khoảng 500 trang khổ 13×18) mà viết về lịch sử bán đảo Ả Rập từ Thế chiến thứ nhất tới nay thôi, tất sẽ được một bộ dày gấp ba bộ *Đông Chu liệt quốc* là ít. Cũng ly kỳ như *Đông Chu*: cũng em giết anh, bè tôi giết vua (chuyện này ở thời đại chúng ta thường quá rồi), bạn bè phản nhau, cũng những cảnh dội bom mà cổ nhân không được biết, rồi cảnh quân lính ủa vào hoàng cung giết trọn hoàng tộc, cảnh các hồ tắm ngào ngạt dầu thơm Chanel, cảnh các sứ thần qua lại nườm nượp các kinh đô, chỉ khác hồi xưa họ cho từng xe vàng thì ngày nay họ ôm một cái cặp chứa một xấp chi phiếu.

Cũng có đủ các nhân vật kỳ dị: anh hùng cái thế như Hạng Võ thì có Ibn Séoud: chỉ có 40 cây súng tôi, 40 con lạc đà ghè mà chinh phục được bán đảo Ả Rập; chính khách lừng danh thì có Nasser: tôi không biết nên ví ứng

với nhân vật nào thời Chiến Quốc vì có nhà coi ông là Tần Thủy Hoàng, có nhà lại so sánh ông với Quản Trọng. Có ông vua chỉ ham xây cất cung điện, sử không chép ông ta có bao nhiêu bà phi chỉ biết hồi năm mươi tuổi, ông đã có bốn mươi người con; có ông vua bôn ba như ông vua nước Đàng, nay qua nước này mai qua nước khác để cầu viện và rất ham lái xe hơi Hoa Kỳ chạy như bay. Có vị Thủ tướng (tức như Tể tướng quốc thời Đông Chu) thờ ba trào vua, giữ chức được ba chục năm, hét ra lửa mà rồi thầy bị một chiếc xe máy dầu kéo lê đi khắp thành thành Bagdad, da thịt rơi từng mảng trên đường, còn rừng rợn hơn cảnh Thương Ưởng bị xé thầy nữa. Rồi lại có một Thân Bao Tư tân thời: Ben Gourion qua Paris năn nỉ Guy Mollet giúp sức để diệt Ai Cập. Mà cũng có một Lỗ Trọng Liên: Thủ tướng Nehru.

Cũng như trong Đông Chu, sân khấu luôn luôn dời chỗ: từ Rhyad ở giữa sa mạc chuyển qua Koweit rồi Le Caire trên bờ con sông Nil, từ Le Caire qua Amman, Damas, Bagdad nơi mà chim cu đua nhau gáy trong những vườn hồng rực rỡ, ngào ngạt, có khi người ta tụ về La Mecque hoặc Jérusalem, những đất thiêng nhất của thế giới, có hồi người ta tản ra trên bán đảo Sinai, trên bờ sông Jourdain.

Cho nên chúng tôi phải dùng thuật chép truyện của *Đông Chu*, không ghi theo niên đại – sợ mất tính cách liên tục của sử – mà gom nhiều việc chung quanh một

biến cố chính, nhiều nhân vật chung quanh một vai trò quan trọng. Tài liệu gom góp được tuy chưa thấm vào đâu mà chúng tôi còn phải bỏ đi rất nhiều, không thể dùng hết được vì chi tiết chằng chịt nhau, sự sắp đặt cực kỳ khó khăn.

Muốn cho sáng sủa và nhất quán, chúng tôi dùng sự xung đột về Tôn giáo và sự tranh chấp của thực dân về dầu lửa làm sợi dây của Ariane để độc giả khỏi lạc lối trong mê hồn trận Ả Rập, vì như trên chúng tôi đã nói, lịch sử hiện đại của bán đảo Ả Rập bị Hồi giáo và dầu lửa chi phối, chỉ nắm được hai đầu dây đó là lần ra được các mối khác.

Sài Gòn, ngày 8-8-1968

(Nguồn: Bán đảo Ả Rập, Nxb Văn hoá, năm 1994 – bản ebook do tovanhung thực hiện, Thư viện-Ebook)

7 BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG THÁP MƯỜI



7 ngày trong Đồng Tháp Mười – Nxb Nguyễn Hiến Lê
(Nguồn: Sachxua.net)

Người xưa nói: “Phải có duyên mới viết được một cuốn sách”. Tôi muốn nói thêm: “Cũng phải có duyên mới xuất bản được một cuốn sách”.

Chắc có bạn mím cười ngất lờ: Hiện nay, mỗi tháng nước Pháp xuất bản trung bình 1.000 cuốn; nước ta cũng được vài chục cuốn. Có một xấp giấy và một cây bút là viết được một cuốn sách và có mười, mười lăm ngàn đồng là xuất bản được. Cần gì phải có duyên?

Thưa bạn, đúng thế; nhưng xin cho tôi nói nốt [\[20\]](#).

Tháng 7 năm 1934, tôi ở Trường Công chánh ra. Hai tháng sau, có người giới thiệu cho tôi một chỗ làm ở Lào tại Savannakhet, nơi hiện nay đang có cuộc xung đột. Tôi lúc ấy thích xứ Lào lắm vì đã được đọc một ít sách tả đời sống an nhàn giữa cảnh thiên nhiên của các cô “phù sa” [\[21\]](#) ngây thơ và tình tứ; nhưng mẹ tôi không muốn cho đi Lào, bảo:

- Mày qua bên đó, mỗi lần tao đi thăm mày sao được? Rồi mày cưới một con vợ Lào, nó nói tiếng nó, tao nói tiếng tao, làm sao hiểu nhau?

Thế là tôi đành chờ một cơ hội khác.

Ba tháng sau, người ta cho tôi một chỗ làm ở Sài Gòn. Sài Gòn tuy xa hơn Lào và tuy đối với mẹ tôi cũng là xứ lạ – người quê mùa lắm – nhưng đường đi có phần dễ hơn mà lại gần nơi một ông bác ở [\[22\]](#), nên mẹ tôi bằng lòng cho tôi đi, và tôi đi Sài Gòn sáng một ngày gần Tết.

Ở Sài Gòn được mười ngày thì có lệnh đưa tôi đi làm tại Long Xuyên, nhằm ngay tỉnh bác tôi ở, thế là tôi có

dịp ăn Tết trong một làng hẻo lánh, bên bờ sông Tiền Giang, trên Đồng Tháp Mười.

Chiều mừng một Tết, tôi và vài anh em ra sau nhà; nhìn sương, khói phủ rặng tre ở rạch Trà Bông, tôi bồi hồi nhớ những bụi tre ở Sơn Tây, và trong cảnh xa quê tôi yêu ngay làng đó, một điểm trên đồng Tháp, như quê hương thứ hai của tôi vậy.

Những năm sau, Tết nào tôi cũng về đó chơi và gặp được vài bạn thân gần như ruột thịt. Năm 1937, sau khi đo khắp các tỉnh ở Hậu Giang, tôi lại được đo ngay trong đồng Tháp. Năm trong một chiếc ghe bầu, tôi đã lên đèn khắp các kinh, rạch từ Hồng Ngự tới Thủ Thừa, từ Cái Thia tới Mộc Hóa; có khi đi bộ trọn một tuần giữa một vùng bát ngát toàn lau, sậy, bèo, năng, hai ba chục cây số không một nóc nhà, một bóng người.

Sau sáu bảy tháng như vậy, tôi có thể tự hào rằng rất ít người Việt, ngay cả những bạn Nam, được biết rõ cánh đồng Tháp như tôi.

Biết thì biết, mà chưa bao giờ có ý định viết về cánh đồng ấy.

Đầu năm 1944, có dịp ra Hà Nội, tôi lại thăm anh Vũ Đình Hoè, một bạn học từ lớp nhất, làm chủ bút tờ *Thanh Nghị*. Anh bảo tôi:

- Đồng bào ngoài này không biết chút gì về miền Nam.

Anh sống ở trong ấy, nên chép lại những điều mắt thấy tai nghe cho độc giả *Thanh Nghị* hiểu thêm xứ Đồng Nai^[23].

Tôi nghĩ ngay đến đồng Tháp Mười, đáp:

- Xin lĩnh ý anh, tôi sẽ viết về cánh đồng Tháp.
- Cánh đồng ấy ở đâu? Tôi chưa hề biết nó.

Tôi cười:

- Anh làm sao biết được? Sách Địa lí chỉ nói về nó một hai hàng, mà lại đặt cho nó một cái tên khác, là “Đồng Cỏ Lác” (Plaine des Jones), nên nói đến đồng Tháp thì mười người Việt, chưa chắc được một người biết.

Về Sài Gòn, tôi thu thập ngay tài liệu. Tài liệu về địa lí, thủy học (hydraulique), kinh tế, phong tục thì tôi đã có sẵn nhờ sáu bảy tháng sống trong đồng. Chỉ thiếu tài liệu về lịch sử. Thì may, nhờ người giới thiệu, tôi được ông Khuông Việt, hồi đó tổng sự tại “Thư Khố Nam Kỳ”, chỉ giùm cho một số sách, báo, bản đồ để tham khảo.

Sáu tháng sau, tôi viết xong cuốn “Đồng Tháp Mười” dày khoảng 150 trang, đem gởi cho tòa soạn *Thanh Nghị* thì, vì giao thông tắc trở, sở Bưu Điện Sài Gòn không nhận đồ bảo đảm ra Bắc nữa.

Thế là đành sai hẹn với anh bạn và bản thảo phải cất trong rương, đợi một cơ hội khác, vì tôi chưa đủ tiền đem in mà cũng chưa quen một nhà xuất bản nào.

Thượng tuần tháng 10 năm 1945, tôi tản cư, bỏ hết đồ đạc lại Sài Gòn, chỉ mang theo mỗi một cái va ly nhỏ đựng ít bộ quần áo và một mớ bản thảo, trong đó có tập “Đồng Tháp Mười”.

Tản cư lại về đồng Tháp Mười, tại nhà bác tôi^[24]. Một đêm, 6, 7 tên cướp vào đánh nhà, chủ ý là bắt cóc một ông điền chủ lớn đang lánh nạn trong nhà; song, rủi cho chúng và rủi cho tôi, ông điền chủ đó trốn thoát, chúng đành vơ vét ít quần áo, mừng mền rồi ôm luôn cái va ly của tôi đi. Thế là tập “Đồng Tháp Mười” mất ngay trong đồng Tháp Mười. Tôi tiếc lắm!

Vậy, là tôi đã có cái duyên mới được bỏ vào làm ở cánh đồng Tháp rồi gặp bà con ở đó, nên mới biết rõ được nó. Lại có cái duyên quen một ông chủ bút trọng lịch sử và địa lí Việt Nam, nên mới hăng hái viết về cánh đồng ấy. Nhưng lại vì vô duyên nên viết xong, in đã không được mà đến bản thảo giữ cũng không được.

Cuối năm ngoái, sau một thời gian xa cách là tám năm, tôi trở về Sài Gòn và có ý viết lại cuốn “Đồng Tháp Mười”. Tôi bỏ ra một tháng tìm lại những tài liệu cũ, song 10 phần không thu thập được 4, 5; hoặc vì chính những tài liệu đó đã mất, hoặc vì tôi không còn biết kiếm ở đâu ra.

Một hôm, nhân vào chào ông Giám đốc Thư viện Nam

Việt – vì ông đã có nhã ý giúp tôi ít nhiều tài liệu – ông giới thiệu anh Lê Ngọc Trụ với tôi. Từ trước anh Trụ và tôi chỉ biết tên nhau chứ chưa biết mặt, nên gặp nhau chúng tôi mừng lắm và khi hay tôi đang bận khoản vì thiếu tài liệu về đồng Tháp thì anh tỏ ý sẵn sàng giúp liền, và chạy đi ôm về từng chồng sách cho tôi coi. Những học giả^[25] thường tận tâm với văn hoá như vậy!

Thế là lần này, nhờ cái duyên văn tự, tôi lại tìm được gần đủ tài liệu về đồng Tháp mà lần trước tôi đã kiếm ra và ăn tết Giáp Ngọ xong, tôi khởi sự viết ngay trang đầu.

Vậy là lời cổ nhân đã đúng một lần nữa: “Phải có duyên mới viết được một cuốn sách”.

Hôm nay, đã viết xong trang cuối, tôi tự hỏi: “Có duyên để xuất bản không đây? hay là bản thảo lại thành đất bùn trong đồng Tháp một lần nữa?”. Như con chim phải tên, tôi nghi ngờ hết thảy. Chỉ khi nào sách bày trong cửa tiệm, tôi mới có thể nói chắc được.

Viết cuốn này, tôi có ý tặng các bạn Bắc và Trung để các bạn ấy biết thêm một miền trên đất Việt, nhưng cũng là để tặng các đồng bào miền Nam của tôi nữa.

Non 20 năm sống trên đất Đồng Nai này, tới đâu tôi cũng được tiếp đón một cách chân thành và thân mật.

Một đêm ở trên kinh Phong Mỹ, trong đồng Tháp, vào đụt mưa trước cửa một căn nhà lá. Lúc đó đã quá 2

giờ khuya. Một bà già ở trong nhà đăng hăng hỏi tôi. Tôi đáp. Tức thì có tiếng lục đục, rồi tiếng quẹt; một tia sáng lọt qua tấm vách lá và một bà cụ mở cửa, mời tôi vào. Căn nhà nhỏ quá, chừng sáu thước vuông, kê mỗi một bộ ván gỗ tạp. Một cô độ mười bảy, mười tám, xếp vội mùng, mền, chào tôi rồi đứng nép một bên. Tôi ân hận làm mất giấc ngủ của chủ nhân, xin lỗi cụ rồi ra đứng trước cửa, nhưng bà cụ không chịu, nhất định bắt tôi vào ngồi nghỉ trong nhà vì “ngoài đó gió lạnh lắm”.

Hai bà cháu thức trên một giờ, tiếp chuyện tôi cho tới khi mưa ngớt. Đưa tôi ra cửa bà cụ nói:

- Tội nghiệp thầy Hai, đường trơn, coi chừng té đấy.

Một lần khác, vào thăm một vườn quít ở Tân Thuận, tôi được chủ nhân, một bà già góa chỉ đủ ăn chứ không giàu, tiếp đãi một cách cực kỳ đôn hậu, cố giữ tôi lại dùng một bữa thịnh soạn do chính tay bà nấu lấy và khi từ biệt bà, xuống ghe thì đã thấy ở dưới ghe, năm, sáu chục trái quít và hai ba nải chuối.

Tôi nhớ hoài một bà cụ khác^{[\[26\]](#)} rất nghiêm khắc mà rất nhân từ, đã giúp tôi trong lúc tản cư được yên ổn học hỏi và viết sách. Cụ rất ít nói nhưng có những cử chỉ cảm động vô cùng. Một hôm, gần Tết, cụ bảo tôi: “Tôi biết thầy có học nho, không quên tổ tiên, nên bảo trẻ mua đồ cúng, thầy dọn bàn này đi mà cúng ông bà”. Tôi muốn rưng rưng nước mắt. Hương hồn cụ lúc này chắc tiêu diêu

ở cõi Phật.

Một thi nhân vịnh Nam Việt có câu:

“Tối khả hoài nhân duy lão mỗ”

Lời ấy thật đúng! Không ai quên được tấm lòng rộng rãi, thương người của các bà già miền Nam.

Những bà cụ ấy, đều chất phác, không biết sử ký và địa lý nước Việt, mà đối với tôi – một người phương xa mới tới – thân mật như trong nhà, làm cho tôi nghĩ tới “đầu óc địa phương” của một số bạn “có học thức” của tôi mà xấu hổ thay cho họ! Họ mặt sát hết thấy những cái gì không phải ở trong cái xứ họ mà ra. Còn giữ tinh thần hẹp hòi ấy thì còn bị người ta chia rẽ, còn phải làm nô lệ.

Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, đồng bào Trung, Bắc hiểu đồng bào miền nam hơn và hết thấy chúng ta đoàn kết, tương thân tương ái nhau hơn.

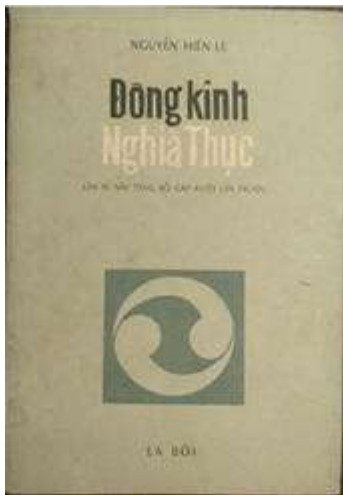
Được như thế là tôi đã đạt được mục đích của tôi và đáp lại một phần nào tấm lòng thành thực tự nhiên của các bạn miền Nam. Trong số các bạn ấy, tôi phải cảm ơn trước hết cô Nguyễn Thị Liệp và học giả Lê Ngọc Trụ là những người đã giúp tôi tìm tài liệu soạn cuốn này.

Sài Gòn, ngày 15-3-54

(Nguồn: 7 ngày trong Đồng Tháp Mười, Nxb Nguyễn Hiến Lê, năm 1954 (?) – Bản scan do Sadecl

cung cấp)

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC



Đông kinh nghĩa thực – Nxb Lá Bối
(Nguồn: Sachxua.net)

Các ông bạn tôi đi xa về đều nói: có ra nước ngoài mới thấy dân tộc mình về sự thông minh, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, không kém một dân tộc nào khác. Đừng nói Ấn Độ, Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân, đến ngay như Trung Hoa, Nhật Bản, Gia Nã Đại, Huê Kỳ... cũng không hơn mình được”.

Những nhận xét đó thường có tính cách chủ quan và hấp tấp, chỉ đáng tự một phần nào thôi. Nhưng ôn lại lịch sử của tổ tiên thì nhiều khi chúng ta cũng đáng tự hào về nòi giống của mình lắm. Những vũ công oanh liệt phá Nguyên, diệt Thanh thì ai cũng biết cả rồi, chúng tôi không muốn nhắc lại, hôm nay chỉ xin so sánh công cuộc duy tân của ta với công cuộc của Trung Quốc.

Nước ta chỉ nhỏ bằng một tỉnh của Trung Hoa, dân số của ta chỉ bằng một phần hai mươi hay một phần ba mươi của họ, ta lại ở trong một hoàn cảnh khó khăn hơn họ nhiều – ta hoàn toàn mất chủ quyền, là một thuộc địa của Pháp trong khi họ còn chủ quyền, chỉ là một bán thuộc địa – vậy mà cuộc vận động duy tân của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục oanh liệt và có ảnh hưởng không kém gì cuộc duy tân của nhóm Khang, Lương thời cuối triều Mãn Thanh.

Phong trào của ta phát động sau họ khoảng mười năm – họ năm 1898, ta năm 1907 – nhưng như vậy không nhất định có nghĩa rằng ta giác ngộ sau họ; có thể là vì cho tới cuối thế kỷ trước, các nhà ái quốc của ta vẫn chưa chịu bỏ khí giới, và nhất quyết sống mái với quân xâm lăng; tới đầu thế kỷ này thấy con đường xả thân đó khó thành công được, mới chuyển hướng qua một đường lối khác, mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, tức con đường duy tân.

Vì phát động sau Trung Hoa tất nhiên chúng ta rút được kinh nghiệm của họ, chịu ảnh hưởng ít nhiều của họ – những sách báo của Khang, Lương, các cụ trong Đông Kinh Nghĩa Thục đều có đọc cả – nhưng chúng ta vẫn có những hoàn cảnh riêng, một chủ trương riêng.

Khang, Lương còn cầu hợp tác với triều đình Mãn Thanh – vua Quang Tự; các cụ trong Nghĩa Thục không chịu hợp tác với nhà Nguyễn, cơ hồ như không biết đến triều đình Huế nữa – các cụ Sào Nam, Tây Hồ, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng... đều chửi thẳng vào mặt bọn vua quan “phường chèo” ở Huế – và tuy phải sống dưới chế độ dã man của thực dân, các cụ cũng không khi nào hợp tác với thực dân, giữ một thái độ bất khuất, làm cho chính thực dân cũng phải kính nể.

Khang, Lương hô hào bãi bỏ khoa cử, bỏ lối văn tám vế trong các kỳ thi thôi, nhưng vẫn giữ cổ văn, và mãi đến năm 1917, bọn Hồ Thích, Trần Độc Tú mới đề nghị dùng bạch thoại; các cụ trong Nghĩa Thục ngay từ 1907 đã đề cao “quốc ngữ”, dùng nó làm phương tiện khai hóa quốc dân, dịch sách ra quốc ngữ, làm thơ cảnh tỉnh đồng bào bằng quốc ngữ. Ta cứ nghĩ hiện nay sống sau các cụ sáu chục năm^[27] mà một bọn giáo sư Đại học của ta còn nghi ngờ khả năng của Việt ngữ, ngăn cản bằng mọi sự phát triển của nó thì ta sẽ phải khâm phục các cụ sáng suốt, nhiệt tâm yêu nước ra sao. Người ta thường nhắc những câu bất hủ của Nguyễn Văn Vĩnh: “Tiếng nước ta

còn thì nước ta còn”, hoặc của Phạm Quỳnh: “Truyện Kiều còn thì nước ta còn”, nhưng ít ai nhớ rằng hai ông đó chỉ lập lại chủ trương từ mười lăm hai mươi năm trước của các cụ trong Nghĩa Thục.

Khang, Lương đề cao khoa học, cái học thực dụng của phương Tây, nhưng cả nhóm Khang, Lương không có một người nào đứng ra lo việc kinh doanh, như mở xưởng dệt, mở tiệm buôn, khẩn ruộng, khai mỏ, hô hào dùng đồ nội hóa... như các cụ trong Nghĩa Thục. Khang, Lương chỉ lý thuyết, các cụ mới thực hành.

Nhóm Khang, Lương có khi đi quá xa, chẳng hạn Khang Hữu Vi đề nghị sự phân biệt quốc gia, phân biệt trai gái, phân biệt sản nghiệp..., còn Đàm Tự Đồng có hồi muốn phá tung “cái lưới luân thường”; các cụ trong Nghĩa Thục không cuồng nhiệt như vậy, chủ trương hấp thụ tân học, nhưng vẫn phát huy cổ học.

*Từ đây phải nhận cho tinh,
Học Tây học Hán có rành mới hay.*

Học đủ cả, nhưng phải cho rành, để phục vụ quốc gia cho đắc lực, vẫn trọng luân thường, vẫn phân biệt trai gái, nhưng nhận rằng gái bình đẳng với trai và cũng có nhiệm vụ với xã hội, nhân quần như trai.

Xét về đức hy sinh thì nhóm Khang, Lương có lực quân tử^[28], còn chúng ta có hàng chục cụ bị đày ra Côn Đảo, và hàng chục cụ khác bôn ba hải ngoại để rồi lén chớ

khí giới về nước mà chiến đấu với quân xâm lăng cho tới chết.

Về ảnh hưởng của phong trào thì chúng ta có thể tin rằng khắp thế giới, không có cuộc vận động nào trong những hoàn cảnh khó khăn mà chỉ có mấy tháng lan tràn khắp trong nước, thành đề tài cho biết bao bài ca ái quốc được dân thuộc lòng như công cuộc duy tân của Nghĩa Thục.

Như vậy các cụ trong Nghĩa Thục có kém gì bọn Khang, Lương đâu, dân tộc chúng ta có kém gì dân tộc Trung Hoa đâu. Tôi thấy rằng các cụ còn có phần sáng suốt, có nhiều lương tri hơn các nhà cách mạng của họ nữa, mà dân tộc ta có tinh thần đoàn kết, tiến bộ hơn họ nữa: các cụ khuyên dân cắt búi tóc, dân thấy phải nghe liền, còn dân tộc Trung Hoa cả chục năm sau Cách mạng Tân Hợi vẫn còn giữ cái đuôi sam. Điều đó làm cho tôi phấn khởi vô cùng. Mỗi lần ôn lại lịch sử là mỗi lần vững thêm được niềm tin. Chiến tranh bi thảm hiện nay mà kết thúc, chủ quyền mà đòi lại được hết, mọi người mà có tinh thần tự lập, hăng trí thức mà biết noi gương các cụ trong Nghĩa Thục, hết lòng dắt díu khai hóa đồng bào, thì không có lý gì tương lai của chúng ta không rực rỡ vào bậc nhất nhì ở Đông Á.

Nhân đến kỳ đệ lục thập chu niên của Đông Kinh Nghĩa Thục chúng tôi sửa chữa kỹ lưỡng cuốn này, thêm

khá nhiều tài liệu để gây lại niềm tin trong lòng độc giả nhất là thanh niên, diệt cái tâm trạng hoang mang nó làm suy nhụt chí khí của dân tộc. Hoàn cảnh, phương tiện của ta lúc này đều hơn các cụ hồi xưa. Chúng ta chỉ thiếu sự đồng tâm và lòng hy sinh thôi. Mà những đức này chỉ có thể tìm lại được bằng sự tự giác, bằng cách ôn lại hành động của cổ nhân.

Chúng tôi tự biết tài liệu còn thiếu nhiều lắm, cho nên dám mong độc giả mọi nơi hể biết thêm được tài liệu nào, nghe thêm được một chuyện nào liên quan tới Đông Kinh Nghĩa Thục, thì xin vui lòng chỉ bảo cho, để chúng tôi bổ túc thêm vì công việc phát huy văn hóa dân tộc phải tiếp tục hoài không lúc nào ngừng được.

Sài gòn ngày 23-2-1967

(Thượng nguyên năm Đinh Mùi)

(Nguồn: Đông Kinh Nghĩa Thục, Nxb Văn hoá Thông tin – Bản ebook do Quantam thực hiện, Thư viện-Ebook)[\[29\]](#)

[\[1\]](#) Bài báo của Võ Phiến có nhan đề: *Nhân đọc bản thảo cuốn Nguyễn Hiến Lê của Châu Hải kỳ*. Bài này được dùng làm bài Thay lời giới thiệu (tác giả được ghi là Văn Phổ) của cuốn *NHL CD&TP*. (Goldfish).

[\[2\]](#) Cụ Nguyễn Hiến Lê có ba người bác: bác cả tên Nhuận hiệu là Tùng Hương, bác hai tên Côn hiệu là Kế Phương, bác ba tên Côn hiệu là Phương Sơn. Người ngâm câu “*Phú quý mạc cầu, nhất phiến băng tâm cư loạn*” là cụ Kế Phương. Đến khoảng năm 1946, cụ Phương Sơn đổi lại: *Thư hoa chân ái, sở thiên văn tự lưu phương*. Một người bạn của cụ Nguyễn Hiến Lê dịch 2 câu đó như sau: *Phú quý chẳng màng, giữ tấm băng trinh thời loạn; Sách hoa riêng thích, thơm trang giấy mực đời sau*. (Goldfish).

[\[3\]](#) “Bất bình tắc minh” (Hàn Dũ).

[\[4\]](#) Trong *Hồi kí*, cụ Nguyễn Hiến Lê cho biết thêm: “*Cho tới bây giờ, tôi vẫn cho những bài Tiền Xích Bích phú, Hậu Xích Bích phú, Hĩ vũ đình kí của Tô Đông Pha, Tuý ông đình kí của Âu Dương Tu, Lan Đình tập tự của Vương Hi Chi, Nhạc Dương lâu kí của Phạm Trọng Yêm... là những viên ngọc nhỏ trong văn học Trung Hoa*”. (Goldfish).

[\[5\]](#) Tức lớp Một ngày nay, nhưng trong *Hồi kí* (Nxb Văn học, năm 1993, trang 39), cụ Nguyễn Hiến Lê lại bảo là lớp Dự bị (Cours préparatoire), tức lớp Hai ngày nay. (Goldfish).

[\[6\]](#) Túc Nguyễn Nhật Đức. (Goldfish).

[\[7\]](#) Trên trang đã dẫn, không chép lại chú thích (1).
(Goldfish).

[\[8\]](#) Bộ *Đại cương văn học sử Trung Quốc* gồm 3 cuốn, Nxb Nguyễn Hiến Lê (hình chụp ở trên tôi copy từ trang <http://sachxua.net/forum/index.php?topic=1812.90>). (Goldfish).

[\[9\]](#) Túc bác Hai của cụ Nguyễn Hiến Lê: tên Cỗn, tự Đạo Quýnh, hiệu Kế Phương, giữ tổ nghiệp ở Phương Khê, mới đầu làm tổng sư, sau làm thầy đồ dạy tư ở nhà, cuối cùng làm hương sư, mất năm 1933 (theo *Hồi Kí*, trang 29). (Goldfish).

[\[10\]](#) “Văn tâm điêu long” là tên một bộ sách luận về văn. Tác giả là Lưu Hiệp ở đời Lục Triều. Sở dĩ gọi là Văn Tâm vì có câu: “Ta hồ! Văn chương chi sự, thốn tâm thiên cổ”. (Than ôi! Cái việc văn chương, một tấc lòng mà để ngàn năm!).

[\[11\]](#) Khi nhà Tần (cách đây trên 2000 năm) thống nhất văn tự rồi thì quan lại, văn nhân và học sinh đều dùng những chữ đã được quy định. Nhưng tiếng nói thay đổi hoài từ đời thời này qua thời khác, từ miền này tới miền kia, thành thử lối văn được quy định ấy mà sau gọi là cổ văn, mỗi ngày một cách biệt với lối thông thường trong dân gian tức là bạch thoại và cổ văn hoá ra mỗi ngày một khó. Gần đây có một cuộc cách mạng trong văn học Trung Quốc, bỏ cổ văn, dùng bạch thoại và hiện nay báo chí, sách vở đều viết bằng bạch thoại. Bạch thoại cũng có người đọc là bạch hoại.

[\[12\]](#) Tức “người bác thứ ba, tên là Côn, hiệu là Phương Sơn, thông minh, có văn tài nhất, thi Hương một khoa, rớt, rồi bỏ luôn, gia nhập Đông Kinh nghĩa thực, làm rể cụ Lương Văn Can, thực trưởng, sau lên vào Nam Kì, đổi tên là Khôn, định tiếp tục hoạt động mà không được, mất năm 1960 ở Chợ Thủ (Long xuyên)”. (Theo Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê). (Goldfish).

[\[13\]](#) Túc cụ Phương Sơn. (Goldfish).

[\[14\]](#) Mạnh đông là tháng đầu tiên của mùa đông, tức tháng 10 âm lịch. (Goldfish).

[\[15\]](#) Đoạn này là bài Tựa (lần tái bản). (Goldfish).

[\[16\]](#) Tức Sevilla, một thành phố ở Tây Nam Tây Ban Nha, có cảng bên sông Guadalquivir cho tàu biển (theo *Wikipedia*). (Goldfish).

[\[17\]](#) Túc Brasil. (Goldfish)

[\[18\]](#) Ở cuối sách ông chép lại 32 chuyện thiết, chỉ cho ta biết những người trong truyện đã áp dụng cách diệt ưu tư của họ. Vì sách đã dày quá và những cách ấy cũng không ngoài những điều ông đã chỉ trong những phần trên cho nên chúng tôi bỏ, không dịch.

[\[19\]](#) Những bạn nào buồn rầu vì hay đau vặt nên đọc thêm bài: “*Maladie, notre amie*” của Bác sĩ Claude Fresnay trong tạp chí *Guérir* số 179 Novembre 1950, trong đó đại ý nói không người nào là cơ thể không mắc một vài tật. Khi ta đau là cơ thể của ta chống với các chứng đó; bệnh chỉ là một phản động của cơ thể mà cơ thể có mạnh mới phản động được, cho nên những người hay đau vặt thường là những người sống lâu hơn cả. Vậy thì đau vặt đã không đáng cho ta lo, có phần lại đáng mừng nữa.

[\[20\]](#) Bản in của nhà Văn hoá Thông tin, năm 2002 cắt bỏ đoạn đầu (từ “Người xưa nói” đến “tôi nói nốt”) và ở sau lại cắt một số chỗ có liên quan đến ông Vũ Đình Hoè. (Goldfish – 07.06.2014).

[\[21\]](#) Có người gọi là “phù sáo” có nghĩa là cô gái Lào.
(Goldfish).

[\[22\]](#) Túc cụ Phương Sơn ở làng Tân Thạnh, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). (Goldfish).

[\[23\]](#) Hồi xưa, Nam bộ được gọi là xứ Đồng Nai. (Goldfish – 04.04.2015).

[\[24\]](#) Túc cụ Phương Sơn. (Goldfish).

[\[25\]](#) Sách in là “độc giả”, tôi tạm sửa lại thành “học giả”.
(Goldfish – 07.06.2014)

[\[26\]](#) Túc cụ bà Ngô Thị Lựu, thân mẫu bà Nguyễn Thị Liệp. (Goldfish)

[\[27\]](#) Tác giả viết bài Tựa này năm 1967. [“bài Tựa này”, tức bài Tựa trong lần in lần thứ nhì. (Goldfish).

[\[28\]](#) Sáu nhà cách mạng, sau khi vụ biến pháp thất bại, bị Từ Hi Thái hậu lùng bắt, không chịu trốn, nguyện đem máu ra tưới mầm cách mạng, trong sáu nhà đó có Đàm Tự Đồng, Dương Thâm Tú, Khang Quảng Nhân (em Khang Hữu Vi)...

[\[29\]](#) Có đôi chiều “sách giấy” để sửa vài lỗi đánh máy.
(Goldfish – 04.04.2015)